

Số: 449/QĐ-TCĐN

An Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Cao đẳng nghề An Giang Năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BLĐTBXH ngày 31 tháng 01 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề An Giang;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ năm 2013;

Căn cứ văn bản hợp nhất 13/VBHN-VPQH ngày 8 tháng 7 năm 2022 của Văn phòng Quốc hội về Luật Khoa học công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2026/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy định về việc Quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 66/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 66/2019/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-CDN, ngày 31/8/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng nghề An Giang;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế tổ chức, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Cao đẳng nghề An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2054/QĐ-CDN ngày 03 tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường phòng Tài chính - Kế toán và Lãnh đạo các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐTNCKH, ntkhoang.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Lê Việt Phương

QUY CHẾ
Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ
của Trường Cao đẳng nghề An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 449/QĐ-CDN ngày 17 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; việc tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ; biện pháp bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ; quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tất cả các nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và học sinh, sinh viên và các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường Cao đẳng nghề An Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ ở cơ sở, bao gồm các hoạt động như sau: Nghiên cứu khoa học; Cải tiến và phát triển công nghệ; Khảo nghiệm, thử nghiệm các giống mới và quy trình sản xuất mới; Ứng dụng, thử nghiệm các tiến bộ khoa học, công nghệ và quy trình công nghệ mới vào sản xuất.

2. Đánh giá, nghiệm thu là quá trình thẩm định, xem xét kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt thực hiện và các tài liệu pháp lý khác có liên quan.

3. Hội thảo khoa học là hình thức sinh hoạt khoa học trao đổi thông tin có quy mô vừa và nhỏ. Là diễn đàn công bố kết quả nghiên cứu mới, với những mức độ khác nhau, của các tác giả khác nhau, thuộc những vấn đề, những khía cạnh vấn đề khác nhau của cùng một chủ đề hội thảo. Các đại biểu tham dự hội thảo đều là những nhà khoa học đang tiến hành nghiên cứu hoặc có thể đưa ra những ý tưởng nghiên cứu về những vấn đề được hội thảo quan tâm. Chính vì vậy, họ hoàn toàn có thể trao đổi, tranh luận về những đề tài hoặc những hướng nghiên cứu mới.

4. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trường (sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng) là các yêu cầu đặt ra cho khoa học và công nghệ dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện yêu cầu của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các đơn vị để giải quyết các vấn đề thực tiễn, cấp thiết, mới phát sinh hoặc nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà trường.

5. Đề tài khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

6. Bài báo khoa học là bài báo có nội dung khoa học được công bố kết quả nghiên cứu gốc, phương pháp mới hoặc tổng quan tri thức trong một lĩnh vực cụ thể được đăng trên tạp chí chuyên ngành uy tín.

7. Thiết bị đào tạo tự làm là các mô hình, dụng cụ, thiết bị hoàn chỉnh, phần mềm hoặc phương tiện kỹ thuật do giảng viên, giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự sáng chế, lắp đặt nhằm phục vụ giảng dạy. Chúng giúp thay thế thiết bị đắt tiền, tăng tính thực tiễn, phù hợp với chương trình học và thường tiết kiệm chi phí, dễ dàng tùy biến theo bài giảng.

Điều 4. Các hình thức hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ

1. Xây dựng kế hoạch và định hướng hoạt động khoa học và công nghệ hằng năm và từng giai đoạn, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường; ưu tiên các lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng, cải tiến kỹ thuật, đổi mới phương pháp giảng dạy và phát triển chương trình đào tạo nghề.

2. Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo nghề; ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy, thực hành và sản xuất; giải quyết các vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp và địa phương.

3. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt chuyên môn và Hội đồng khoa học của Trường nhằm trao đổi kinh nghiệm, thẩm định, nghiệm thu và phản biện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Hỗ trợ giảng viên, cán bộ và người học trong việc đăng ký, xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nghiên cứu; đồng thời thúc đẩy việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có khả năng áp dụng vào thực tiễn.

5. Quản lý và khai thác thông tin khoa học và công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu về đề tài nghiên cứu, tài liệu khoa học phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu và hợp tác với doanh nghiệp.

6. Công bố, phổ biến và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia viết bài đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo, hoặc áp dụng trực tiếp vào hoạt động đào tạo và sản xuất – dịch vụ của Nhà trường.

7. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước và của Nhà trường.

8. Tổ chức đánh giá, tổng kết và báo cáo định kỳ hoạt động khoa học và công nghệ, làm cơ sở đề xuất khen thưởng, nhân rộng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hiệu quả.

9. Thực hiện chế độ quản lý, lưu trữ và bảo mật thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định của Nhà trường.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động khoa học và công nghệ

1. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của hoạt động đào tạo nghề, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang; phục vụ đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và thị trường lao động.

2. Xây dựng và phát huy năng lực nội sinh về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong đội ngũ viên chức, giảng viên và người học; tăng cường tiếp thu, ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học, công nghệ và kỹ thuật tiên tiến phù hợp với điều kiện đào tạo và thực tiễn sản xuất tại địa phương.

3. Bảo đảm quyền tự do sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật; phát huy dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả phục vụ cộng đồng.

4. Bảo đảm tính trung thực, khách quan trong nghiên cứu khoa học; đề cao đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của viên chức, giảng viên và người học khi tham gia hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Bảo đảm an toàn trong nghiên cứu, thí nghiệm và thực hành; chú trọng bảo vệ sức khỏe con người, an toàn lao động, an toàn thiết bị, đồng thời gắn với bảo vệ môi trường trong quá trình đào tạo và nghiên cứu.

Điều 6. Các hành vi bị cấm

1. Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ.

3. Tiết lộ tài liệu, kết quả khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Cản trở hoạt động khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Định mức quy đổi ra giờ chuẩn cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ

TT	Nhiệm vụ	Quy đổi ra giờ nghiên cứu khoa học	Đơn vị tính	Ghi chú
I	Đề tài nghiên cứu khoa học/ thiết bị đào tạo tự làm			
1	Cấp tỉnh	84	Đề tài	
2	Cấp trường	56	Đề tài	

TT	Nhiệm vụ	Quy đổi ra giờ nghiên cứu khoa học	Đơn vị tính	Ghi chú
3	Hướng dẫn HSSV nghiên cứu khoa học, thiết bị đào tạo tự làm	28	Đề tài	
II	Bài báo			
1	Đăng trên tạp chí khoa học quốc tế (tạp chí chuyên ngành uy tín trong danh mục ISI, SCI, SCIE, Scopus)	56	Bài	
2	Đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành (tạp chí chuyên ngành được tính điểm có mã số ISSN)	28	Bài	
3	Đăng trên tạp chí cấp tỉnh	14	Bài	
III	Bài tham luận, bài báo cáo			
1	Đăng ở kỷ yếu khoa học quốc tế (có mã số ISBN) bằng tiếng nước ngoài	56	Bài	
2	Đăng ở kỷ yếu khoa học quốc tế (có mã số ISBN) bằng tiếng Việt	35	Bài	
3	Hội thảo cấp Nhà nước, Bộ, Ngành	28	Bài	
4	Hội thảo cấp tỉnh	21	Bài	
5	Hội thảo cấp trường	14	Bài	
6	Hội thảo cấp khoa	7	Bài	
<ul style="list-style-type: none"> - Đối với bài báo có 03 thành viên trở lên, tác giả chính bài báo hưởng 40%, 60% còn lại chia đều cho các thành viên còn lại. - Đối với bài báo có 01 tác giả chính và 1 thành viên, tác giả chính hưởng 60%, thành viên còn lại hưởng 40%. - Bài báo phục vụ cho đề tài nghiên cứu khoa học, việc học sau đại học, xét thăng hạng của cá nhân thì không tính vào định mức giờ chuẩn. - Các bài báo được viết lại từ sáng kiến cải tiến, giải pháp kỹ thuật, bài tham luận, ... chỉ được quy đổi giờ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ 01 lần. 				

1. Nguyên tắc quy đổi: Bài báo khoa học được quy đổi theo Bảng định mức quy đổi ra giờ đổi với hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, đồng thời phải bảo đảm các yêu cầu sau:

Nội dung bài báo có tính ứng dụng thực tiễn, mang lại hiệu quả và có khả năng triển khai, nhân rộng trong phạm vi nhà trường.

Sau khi bài báo được công nhận, chủ nhiệm bài báo có trách nhiệm cung cấp hồ sơ cho Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học để lưu trữ theo quy định (bao gồm: bản photo bài báo, công văn hoặc minh chứng công nhận bài báo và các tài liệu liên quan).

2. Quy định đổi với nhà giáo, cán bộ quản lý

Trường hợp nhà giáo, cán bộ quản lý chưa hoàn thành định mức giờ giảng dạy, nếu thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ thì quy đổi giờ nghiên cứu khoa học để bù vào số giờ giảng dạy còn thiếu theo quy định.

Nhà giáo đang trong thời gian tạm miễn giảng dạy, khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hiệu trưởng phê duyệt, sẽ được tính thêm giờ nghiên cứu khoa học theo quy định tại điều này (đơn giá giờ được áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành).

Nhà giáo, cán bộ quản lý sau khi đã hoàn thành định mức giờ giảng dạy, nếu thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ thì được quy đổi và tính thêm giờ theo quy định tại Điều 7 của Quy định này (đơn giá giờ áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành).

3. Định mức giờ nghiên cứu khoa học: Tổng số giờ quy đổi từ các hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà giáo không vượt quá 56 giờ/năm, trừ trường hợp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.

4. Quy định đổi với cán bộ, viên chức không tham gia giảng dạy: Cán bộ quản lý, viên chức các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ không tham gia giảng dạy, khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy đổi và tính thêm giờ theo quy định tại Điều 7 của Quy định này (đơn giá giờ áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành).

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm

1. Được quyền lựa chọn và mời thành viên tham gia thực hiện đề tài (trường hợp mời thành viên ngoài Trường phải được sự chấp thuận của Hiệu trưởng và thực hiện các thủ tục theo Quy định của Trường).

2. Được tạm ứng tối đa 70%, trong đó 50% khi có Quyết định giao đề tài và 20% khi hoàn thành báo cáo tiến độ.

3. Được đánh giá nghiệm thu sau khi hoàn thành đề tài và nộp đủ hồ sơ theo quy trình đăng ký thực hiện đề tài NCKH cấp trường.

4. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đúng, đủ các quy định về tạm ứng, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí, báo cáo tiến độ thực hiện và nghiệm thu đúng thời hạn.

5. Sau khi nghiệm thu và chuyển giao, đưa vào sử dụng, chủ nhiệm đề tài theo định kỳ báo cáo hiệu quả ứng dụng của đề tài cho Trường.

Điều 8. Nhiệm vụ của các Phòng, Khoa trong việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm

1. Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học

Chủ trì tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc định hướng, xây dựng và đề xuất kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH-CN) của nhà trường hằng năm.

Tham mưu Hiệu trưởng thành lập các Hội đồng khoa học, bao gồm: Hội đồng xét duyệt danh mục đề tài, Hội đồng xét duyệt đề cương và dự toán kinh phí, Hội đồng nghiệm thu và các hội đồng liên quan khác theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện đề tài, theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các đơn vị và chủ nhiệm đề tài, kịp thời báo cáo và tham mưu Hiệu trưởng giải quyết các khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Phòng Tài chính - Kế toán

Tham mưu cho Hiệu trưởng về mức kinh phí thực hiện đối với từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Cung cấp kinh phí đúng tiến độ, đúng quy định cho chủ nhiệm đề tài để triển khai thực hiện.

Hướng dẫn chủ nhiệm đề tài lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí thực hiện đề tài theo đúng quy định tài chính hiện hành.

3. Phòng Quản trị thiết bị

Tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt danh mục vật tư, thiết bị do chủ nhiệm đề tài đề xuất phục vụ thực hiện đề tài.

Quản lý, theo dõi và tiếp nhận các thiết bị đào tạo tự làm sau khi được nghiệm thu, đưa vào quản lý và sử dụng theo quy định của nhà trường.

4. Các phòng, khoa là đơn vị chủ trì

Đề xuất và triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị, gửi đề xuất về Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học để tổng hợp, tham mưu Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

Phối hợp với Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học theo dõi, hỗ trợ quá trình thực hiện đề tài đối với các chủ nhiệm đề tài thuộc đơn vị.

Đánh giá sơ bộ kết quả và sản phẩm khoa học và công nghệ của đơn vị trước khi chủ nhiệm đề tài đề nghị thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp trường.

Tổ chức khai thác, ứng dụng các sản phẩm khoa học và công nghệ sau khi được nghiệm thu, đưa vào phục vụ hoạt động đào tạo và chuyên môn của đơn vị.

Chương II

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỰ LÀM

Điều 9. Yêu cầu đối với các hoạt động đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm

1. Đề tài phải có tính khả thi và giá trị khoa học, phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của nhà trường.

2. Có giá trị thực tiễn, góp phần giải quyết các yêu cầu trước mắt và lâu dài; phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, công tác quản lý và đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường theo từng giai đoạn.

3. Nội dung đề tài không trùng lặp với các đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp đã và đang triển khai; không trùng với luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đã bảo vệ hoặc đang thực hiện, trừ trường hợp được cải tiến, phát triển thêm nội dung nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động của nhà trường.

4. Thời gian thực hiện đề tài từ 03 tháng đến 09 tháng.

Trường hợp cần thiết, đề tài được xem xét gia hạn thực hiện nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài.

Thời gian gia hạn không vượt quá một phần hai (1/2) thời gian thực hiện đã đăng ký ban đầu và tổng thời gian thực hiện đề tài không quá 12 tháng kể từ ngày giao đề tài.

Đơn đề nghị gia hạn phải được gửi về Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học trước 15 ngày so với thời điểm kết thúc đề tài.

Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Điều 10. Yêu cầu đối với cá nhân, tổ chức chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm

1. Chủ nhiệm đề tài phải có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký thực hiện.

2. Có năng lực tổ chức và triển khai nội dung nghiên cứu, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đúng tiến độ, nội dung và chất lượng theo thuyết minh đã được phê duyệt.

3. Cá nhân, tổ chức không được xem xét giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ nếu tại thời điểm xét duyệt hồ sơ đang là chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác chưa hoàn thành.

4. Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Mỗi đề tài nghiên cứu khoa học hoặc thiết bị đào tạo tự làm có tối đa 05 thành viên tham gia, trừ trường hợp đặc biệt được Hội đồng khoa học cấp trường xem xét và chấp thuận.

Điều 11. Các bước thực hiện trong công tác nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm

- Bước 1: Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học thông báo đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào học kỳ mỗi năm học.

- Bước 2: Cá nhân, nhóm nghiên cứu thực hiện đăng ký đề tài tại các khoa, đơn vị chuyên môn theo mẫu quy định.

- Bước 3: Các khoa, đơn vị tổng hợp danh mục đề tài và phiếu đăng ký của cá nhân, gửi về Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học để tổng hợp.

- Bước 4: Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học tham mưu thành lập Hội đồng khoa học cấp trường để xem xét, thông qua danh mục đề tài đăng ký thực hiện.

- Bước 5: Sau khi danh mục đề tài được thông qua, chủ nhiệm đề tài tiến hành xây dựng thuyết minh đề cương nghiên cứu.

- Bước 6: Khoa chuyên môn tổ chức họp Hội đồng khoa học cấp khoa để xem xét, góp ý thuyết minh đề tài; hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học.

- Bước 7: Thành lập Hội đồng khoa học cấp trường để xem xét, phê duyệt thuyết minh đề cương.

- Bước 8: Chủ nhiệm đề tài tổ chức triển khai thực hiện nội dung nghiên cứu theo thuyết minh đề cương đã được Hội đồng khoa học cấp trường phê duyệt.

- Bước 9: Sau khi hoàn thành đề tài, chủ nhiệm đề tài lập hồ sơ và đề nghị tổ chức nghiệm thu cấp trường.

- Bước 10: Thành lập Hội đồng khoa học cấp trường để tổ chức nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học, thiết bị đào tạo tự làm.

- Bước 11: Chủ nhiệm đề tài chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo và hồ sơ đề tài theo ý kiến của Hội đồng nghiệm thu.

- Bước 12: Ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm.

- Bước 13: Kết quả nghiên cứu được chuyển giao cho đơn vị liên quan để khai thác, ứng dụng trong hoạt động đào tạo, quản lý hoặc sản xuất theo quy định của nhà trường. (Chuyển giao công nghệ).

Điều 12. Hội đồng xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm

1. Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng khoa học cấp trường để thực hiện việc xét duyệt đề cương và nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học, thiết bị đào tạo tự làm.

2. Hội đồng có từ 5 đến 9 thành viên gồm: Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng và các ủy viên, trong đó có 01 - 02 ủy viên phản biện (đối với Hội đồng đánh giá nghiệm thu) và 01 ủy viên kiêm thư ký khoa học; cuộc họp của hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự.

3. Cá nhân, tổ chức là chủ nhiệm hoặc thành viên đề tài không được tham gia làm thành viên Hội đồng xét duyệt hoặc nghiệm thu đối với đề tài đó.

4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng

a) Hội đồng chịu trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và phương pháp thực hiện đề tài; đánh giá về tính mới, tính khả thi, khả năng ứng dụng và nhân rộng, sự phù hợp giữa nội dung nghiên cứu với kinh phí thực hiện cũng như hiệu quả kinh tế - xã hội của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Các thành viên Hội đồng làm việc trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

c) Thành viên Hội đồng nghiên cứu kỹ hồ sơ, tài liệu liên quan, thực hiện nhận xét, đánh giá và lập luận cụ thể đối với nội dung tư vấn theo các tiêu chí và yêu cầu đã được quy định.

d) Trước khi tiến hành đánh giá, chấm điểm, Hội đồng thảo luận thống nhất quan điểm và phương thức chấm điểm đối với từng tiêu chí theo quy định.

đ) Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật thông tin liên quan đến nội dung nghiên cứu và quá trình làm việc của Hội đồng theo quy định.

Điều 13. Tổ chức xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm

1. Tổ chức xét duyệt đề cương, nghiệm thu

- Bước 1: Thư ký hội đồng thông qua quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương hoặc nghiệm thu.

- Bước 2: Chủ tịch Hội đồng phát biểu khai mạc và định hướng nội dung làm việc của Hội đồng (nếu có).

- Bước 3: Chủ nhiệm đề tài hoặc đại diện nhóm nghiên cứu trình bày tóm tắt thuyết minh đề tài; báo cáo tóm tắt quá trình triển khai thực hiện đề tài (đối với trường hợp nghiệm thu).

- Bước 4: Các thành viên Hội đồng tiến hành nhận xét, góp ý và thảo luận đối với nội dung đề tài nghiên cứu khoa học hoặc thiết bị đào tạo tự làm.

- Bước 5: Hội đồng tiến hành đánh giá và chấm điểm đề tài trên phiếu đánh giá theo các tiêu chí quy định.

- Bước 6: Thư ký Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá, lập biên bản cuộc họp Hội đồng xét duyệt đề cương hoặc nghiệm thu đề tài.

- Bước 7: Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, Hiệu trưởng xem xét ban hành quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc công nhận kết quả đề tài đối với các đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị đào tạo tự làm đạt yêu cầu.

2. Phiếu đánh giá thiết bị đào tạo tự làm (Kèm theo phụ lục).

3. Phiếu đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học dành cho viết phần mềm (Kèm theo phụ lục).

4. Phiếu đánh giá dành cho đề tài nghiên cứu khoa học (Kèm theo phụ lục).

5. Điểm đánh giá: Tổng điểm là 100 điểm.

- Loại A (Xuất sắc): 91 - 100 điểm

- Loại B (Khá): 71 - 90 điểm

- Loại C (Trung bình): 50 - 70 điểm

- Loại D (Không đạt): dưới 50 điểm

6. Cá nhân, tổ chức được Hội đồng yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo biên bản họp Hội đồng và nộp lại về Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học trong thời hạn chậm nhất 07 ngày kể từ ngày họp Hội đồng; trường hợp cần gia hạn theo quyết định của Hội đồng thì thời gian hoàn thiện hồ sơ không quá 30 ngày kể từ ngày Hội đồng họp xét.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 14. Khen thưởng

1. Đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức: Kết quả thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ là một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và xét thi đua, khen thưởng hằng năm trong nhà trường.

2. Đối với học sinh - sinh viên: Những đề tài nghiên cứu khoa học đạt chất lượng tốt sẽ được nhà trường xem xét khen thưởng và lựa chọn tham gia các cuộc thi, hội thi nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp quốc gia theo quy định.

Điều 15. Xử phạt

1. Đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức

a) Các cá nhân, tổ chức không hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao mà không có lý do chính đáng phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được cấp; đồng thời bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong năm. Kết quả đánh giá này là căn cứ để đánh giá trong công tác thi đua, khen thưởng và là điều kiện để xem xét đăng ký làm chủ nhiệm đề tài trong năm tiếp theo.

b) Các đề tài thực hiện quá hạn so với hợp đồng và thuyết minh đã được phê duyệt, khi nghiệm thu chỉ được tính 80% số tiết chuẩn theo quy định.

c) Các đề tài, hoạt động khoa học và công nghệ nếu phát hiện có hành vi vi phạm bản quyền, sao chép các ấn phẩm đã công bố sẽ bị hủy kết quả công nhận; chủ nhiệm đề tài phải hoàn trả kinh phí thực hiện và bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

d) Các đề tài, hoạt động khoa học và công nghệ khi nghiệm thu không đạt yêu cầu, chủ nhiệm đề tài và các thành viên (nếu có) phải hoàn trả kinh phí thực hiện và không được hưởng chế độ giảm giờ chuẩn, không được xét thi đua và không được hưởng các quyền lợi liên quan.

2. Đối với học sinh, sinh viên

Học sinh, sinh viên không hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị thu hồi kinh phí đã cấp hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định của Nhà trường. Giảng viên hướng dẫn có liên quan, nếu xác định có vi phạm, cũng sẽ bị xem xét xử lý theo quy định hiện hành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này được áp dụng từ năm học 2025 - 2026 và thay thế Quyết định số 2054/QĐ-CĐN ngày 03 tháng 10 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, báo cáo Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

Phụ lục 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
An Giang, ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐỀ XUẤT
Nhiệm vụ KH&CN cấp trường
Năm học 20...

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

2. Mục tiêu:

3. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN
(Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...):

4. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:

5. Khả năng và địa chỉ áp dụng:

6. Dự kiến hiệu quả mang lại:

7. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ...):

8. Tổng kinh phí dự kiến và khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN:
(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất...)

ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI
(Họ tên và chữ ký)
(Đóng dấu nếu là đề xuất của đơn vị)

UBND TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐĂNG KÝ
Thiết bị đào tạo tự làm cấp trường
Năm học 20...

1. Tên mô hình, thiết bị....:
2. Tính cấp thiết của mô hình, thiết bị:
3. Mục tiêu của mô hình, thiết bị:
4. Nội dung thực hiện:
 - Phạm vi nghiên cứu.
 - Đối tượng nghiên cứu.
 - Nội dung thực hiện.

<i>Những người tham gia thực hiện</i>			
Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Công việc được giao	Tiến độ thực hiện

- Bản vẽ kỹ thuật

5. Nơi ứng dụng kết quả của mô hình, thiết bị: Khoa, phòng,.... Dạy các bài nào, mô đun nào,....
6. Kinh phí để thực hiện mô hình, thiết bị

Tổng số:.....
(- trong đó kinh phí từ.....)
Bảng dự trù kinh phí
7. Địa chỉ liên lạc, điện thoại-fax và email:

ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI
(*Họ tên và chữ ký*)

THUYẾT MINH
Nhiệm vụ KH&CN cấp trường

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1	Tên nhiệm vụ	1	Mã số (được cấp khi a Hồ sơ trúng tuyển)
2	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng /20.. đến tháng /20...)	3	Cấp quản lý Tỉnh <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/>
4	Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức		
	- Từ nguồn khác		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/>	Khoán từng phần, trong đó:
		- Kinh phí khoán:triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:triệu đồng	
6	Lĩnh vực khoa học:		
7	Chủ nhiệm nhiệm vụ:		
Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> / Nữ: <input type="checkbox"/> Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: Chức vụ..... Điện thoại: E-mail: Đơn vị đang công tác:.....			
8	Các cán bộ thực hiện nhiệm vụ		

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Đơn vị công tác	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho nhiệm vụ
1				
2				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

9	Mục tiêu của nhiệm vụ (<i>Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu</i>)
10	Tình trạng nhiệm vụ <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
11	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ 11.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ: <i>Ngoài nước</i> (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó) <i>Trong nước</i> (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến nhiệm vụ mà các cán bộ tham gia nhiệm vụ đã thực hiện. Nếu có các nhiệm vụ cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến nhiệm vụ này; Nếu phát hiện có nhiệm vụ đang tiến hành mà nhiệm vụ này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên nhiệm vụ, Tên chủ nhiệm nhiệm vụ và cơ quan chủ trì nhiệm vụ đó)

11.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của nhiệm vụ

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu nhiệm vụ, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của nhiệm vụ và những nội dung cần thực hiện trong nhiệm vụ để đạt được mục tiêu)

1 2 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu nhiệm vụ).

.....

1 3 Nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ và phương án thực hiện

(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu, trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ trước đó; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có).

Nội dung 1:

.....

Nội dung 2:

.....

Nội dung 3:

.....

1 4 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp

nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của nhiệm vụ; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của nhiệm vụ)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:

.....

1 **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong**
5 **nước (nếu có)**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện nhiệm vụ và nội dung công việc tham gia trong nhiệm vụ, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).

1 **Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)**
6

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ nhiệm vụ; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của nhiệm vụ)

1 **Tiến độ thực hiện**
7

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

2	Nội dung 2				
	-Công việc 1				
	-Công việc 2				

* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 8

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA NHIỆM VỤ

18	Sản phẩm KH&CN chính của nhiệm vụ và yêu cầu chất lượng cần đạt					
	18.1. Sản phẩm khoa học					
	Giáo trình	<input type="checkbox"/>	Bài báo đăng tạp chí nước ngoài	<input type="checkbox"/>		
	Sách tham khảo	<input type="checkbox"/>	Bài báo đăng tạp chí trong nước	<input type="checkbox"/>		
	Sách hướng dẫn học tập	<input type="checkbox"/>	Bài đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo	<input type="checkbox"/>		
	18.2. Sản phẩm đào tạo					
	Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học	<input type="checkbox"/>				
	Hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận/ đồ án tốt nghiệp	<input type="checkbox"/>				
	18.3. Sản phẩm ứng dụng					
	Mẫu	<input type="checkbox"/>	Vật liệu	<input type="checkbox"/>	Thiết bị máy móc	<input type="checkbox"/>
	Giống cây trồng	<input type="checkbox"/>	Giống vật nuôi	<input type="checkbox"/>	Quy trình công nghệ	<input type="checkbox"/>
	Tiêu chuẩn	<input type="checkbox"/>	Qui phạm	<input type="checkbox"/>	Sơ đồ, bản thiết kế	<input type="checkbox"/>
	Tài liệu dự báo	<input type="checkbox"/>	Đề án	<input type="checkbox"/>	Luận chứng kinh tế	<input type="checkbox"/>
	Phương pháp	<input type="checkbox"/>	Chương trình máy tính	<input type="checkbox"/>	Bản kiến nghị	<input type="checkbox"/>
	Dây chuyền công nghệ	<input type="checkbox"/>	Báo cáo phân tích	<input type="checkbox"/>	Bản quy hoạch	<input type="checkbox"/>
	18.4. Các sản phẩm khác (nếu có)					
19	Yêu cầu khoa học					
	19.1. Khả năng về thị trường (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)					
					
					
	19.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)					

.....

19.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu

.....
19.4. Mô tả phương thức chuyển giao

(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra)

20 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ:

2 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:
1

21.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

21.2. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

21.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ
(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

2 6 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó			
			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng kinh phí <i>Trong đó:</i>					
1	Ngân sách SNKH:					
2	Nguồn tự có của cơ quan					
3	Nguồn khác (vốn huy động, ...)					

(*): chỉ dự toán khi nhiệm vụ đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

Cơ quan chủ quản
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

UBND TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

Phụ lục 4
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng năm 20...

THUYẾT MINH **THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỰ LÀM CẤP TRƯỜNG**

- 1. Tên mô hình, thiết bị:**
- 2. Tính cấp thiết của mô hình, thiết bị:**
- 3. Mục tiêu của mô hình, thiết bị:**
- 4. Nội dung thực hiện:**
 - Phạm vi nghiên cứu.
 - Đối tượng nghiên cứu.
 - Nội dung thực hiện.

<i>Những người tham gia thực hiện</i>			
Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Công việc được giao	Tiến độ thực hiện

- Bản vẽ kỹ thuật, đề cương chi tiết, bảng câu hỏi khảo sát,.....

5. Nơi ứng dụng kết quả của mô hình, thiết bị:

- Khoa, phòng:.....
- Dạy các bài nào, mô đun nào,.....

6. Kinh phí để thực hiện mô hình, thiết bị

Tổng số:.....(trong đó kinh phí từ.....)

Bảng dự trù kinh phí

7. Địa chỉ liên lạc, điện thoại - fax và email:

Đơn vị/Cá nhân đề xuất

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ

ỦY BAN NHÂN TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỰ LÀM

- Tên thiết bị:
- Tác giả (Cá nhân, tập thể):.....
- Họ tên người đánh giá:.....
- Học hàm, học vị:.....
- Chức vụ và nơi công tác:

STT	Nội dung đánh giá	Điểm		Ghi chú
		Chuẩn	Chăm	
I	Tính sư phạm	35		
1	Khả năng truyền tải kiến thức và rèn luyện kỹ năng từ chương trình đào tạo đến người học	25		
2	Tạo hứng thú trong quá trình dạy và học.	10		
II	Tính khoa học, kỹ thuật và sáng tạo	40		
1	Áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật hoặc công nghệ phù hợp với chương trình đào tạo	10		
2	Có khả năng nâng cấp, mở rộng ứng dụng theo yêu cầu phát triển của chương trình đào tạo	10		
3	Sáng tạo: Thiết bị hoàn toàn mới hoặc thiết bị cải tiến từ các sản phẩm đã có sẵn	10		
4	Nguyên lý hoạt động, cấu tạo, vận hành, sử dụng phù hợp với thực tế sản xuất; vận hành an toàn, chính xác	10		
III	Tính ứng dụng	15		
1	Sử dụng cho nhiều bài giảng	10		
2	Chi phí sản xuất thấp, phù hợp với dạy học	5		
IV	Trình bày	10		
1	Tài liệu hướng dẫn	5		
2	Thuyết minh	5		
Tổng cộng		100		

Nhận xét chung:

.....

.....

.....

.....

.....

Ghi chú:

- Loại A (Xuất sắc): 91 - 100 điểm
- Loại B (Khá): 71 - 90 điểm
- Loại C (Trung bình): 50 - 70 điểm
- Loại D (Không đạt) : dưới 50 điểm

An Giang, ngày tháng năm 20.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

ỦY BAN NHÂN TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DÀNH CHO PHẦN MỀM

- Tên phần mềm:
- Tác giả (Cá nhân, tập thể):
- Họ tên người đánh giá:.....
- Học hàm, học vị:
- Chức vụ và nơi công tác:

STT	Nội dung đánh giá	Điểm		Ghi chú
		Chuẩn	Chăm	
I	Tính sư phạm	35		
1	Phù hợp với nguyên tắc dạy học, tạo hứng thú trong quá trình dạy và học	10		
2	Có khả năng truyền tải kiến thức và rèn luyện kỹ năng từ chương trình đào tạo đến người học.	25		
II	Tính khoa học, kỹ thuật và sáng tạo	25		
1	Có khả năng linh hoạt để xem nhanh toàn bộ nội dung hoặc từng phần theo yêu cầu của người dạy và người học	5		
2	Giao diện dễ hiểu, dễ sử dụng, phổ biến	10		
3	Có khả năng nâng cấp, mở rộng ứng dụng, kết nối được với các thiết bị ngoại vi và tương thích với các phần mềm khác	10		
III	Tính ứng dụng	30		
1	Sử dụng cho nhiều bài giảng	10		
2	Khả năng thay thế thiết bị thật	20		
IV	Trình bày	10		
1	Tài liệu hướng dẫn	5		
2	Thuyết minh	5		
Tổng cộng		100		

Nhận xét chung:

.....

.....

.....

.....

.....

Ghi chú:

- Loại A (Xuất sắc): 91 - 100 điểm
- Loại B (Khá): 71 - 90 điểm
- Loại C (Trung bình): 50 - 70 điểm
- Loại D (Không đạt) : dưới 50 điểm

An Giang, ngày tháng năm 20.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

ỦY BAN NHÂN TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

- Tên nhiệm vụ:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Họ tên người đánh giá:
- Học hàm, học vị:
- Chức vụ và nơi công tác:

TT	Tiêu chí đánh giá	Ý kiến của Hội đồng	Điểm tối đa	Điểm của thành viên
1	Mức độ hoàn thành khối lượng, kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ cấp cơ sở (so với đề cương nghiên cứu được duyệt và hợp đồng thực hiện)		40	
1.1	Tính đầy đủ về số lượng, chủng loại, khối lượng của các sản phẩm của nhiệm vụ		20	
1.2	Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát...		10	
1.3	Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ,...		10	
2	Giá trị khoa học về kết quả của nhiệm vụ		10	
3	Giá trị ứng dụng vào thực tế quản lý, sản xuất và đời sống		40	
3.1	Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng		20	

3.2	Đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường		20	
4	<i>Đánh giá về tổ chức và quản lý thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, chi tiêu tài chính và những đóng góp khác</i>		10	
	Tổng cộng:		100	

Nhận xét chung:

.....

.....

.....

.....

.....

Ghi chú:

- Loại A (Xuất sắc): 91 - 100 điểm
- Loại B (Khá): 71 - 90 điểm
- Loại C (Trung bình): 50 - 70 điểm
- Loại D (Không đạt) : dưới 50 điểm

An Giang, ngày tháng năm 20.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG